TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/DS-ST
Ngày: 23-7-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ - TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Thành Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Thanh Xuân.

2. Bà Trần Thị Thúy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đức Trọn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh mở phiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2024/TLST – DS ngày 29 tháng 02 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐST-DS, ngày 02 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Bà Trần Bé C, sinh năm 1967 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/5/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/02/2014, bà T có cho bà Trần Bé C vay số tiền 5.000.000 đồng, mục đích bà C vay là để đóng hụi chết. Thỏa thuận lãi suất là 80.000 đồng/tháng/1.000.000 đồng, không có hẹn thời gian trả, chỉ thỏa thuận miệng với nhau khi nào bà T cần tiền sẽ báo trước cho bà C để bà C trả, khi vay không có làm biên nhận tuy nhiên lúc này có mặt của bà Thế Thị Phương D trực tiếp chứng kiến.

Tuy nhiên đến nay bà C không có trả lãi và trả tiền vốn như hứa hẹn. Bà T có nhiều lần đến nhà bà C để yêu cầu bà C trả nợ, những lần đầu thì bà C trả lời khi nào hốt hụi từ việc chơi hụi do bà làm đầu thảo sẽ trả đủ vốn gốc và lãi cho bà T, tuy nhiên bà C vẫn không có trả lãi và trả tiền vốn.

Nay bà T yêu cầu bà Trần Bé C trả cho bà số tiền nợ vay là 5.000.000 đồng. Bà T không yêu cầu tính lãi.

Bà Trần Bé C là bị đơn vắng mặt, có lời khai trình bày:

Từ trước đến nay bà C không có vay tiền gì của bà Nguyễn Thị T. Việc bà T trình bày cho bà C vay số tiền 5.000.000 đồng, mục đích bà C vay là để đóng hụi chết. Thỏa thuận lãi suất là 80.000 đồng/tháng/1.000.000 đồng là hoàn toàn không có.

Nay bà T yêu cầu bà Trần Bé C trả cho bà T số tiền nợ vay là 5.000.000 đồng thì bà không đồng ý.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/5/2024 người làm chứng bà Thế Thị Phương D trình bày:

Bà không nhớ thời gian cụ thể nhưng cách nay khoảng 10 năm, tại nhà của bà T có tiến hành khui hụi, sau khi khui hụi xong thì mọi người về hết lúc này chỉ còn lại bà D, bà T, bà C thì bà T có hỏi riêng bà để vay số tiền 5.000.000 đồng để cho bà C vay lại, bà có nói với bà T chỉ cho bà T vay tiền còn việc bà T cho ai vay lại thì đó là chuyện của bà T, hơn nữa từ trước đến nay bà D không có qua lại chuyện tiền bạc với bà C. Ngay sau khi bà D đưa tiền cho bà T thì bà T đưa lại cho bà C số tiền 5.000.000 đồng này việc này bà D trực tiếp chứng kiến. Khoảng hơn 01 năm sau khi bà T vay số tiền 5.000.000 đồng từ bà thì bà T không trả cho bà D, do đó, bà D đã nộp đơn đến Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân để yêu cầu hòa giải thì bà T cam kết trả mỗi tháng 300.000 đồng, sau đó bà T có trả liên tục hàng tháng đến nay đã hết nợ bà D.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Trần Bé C hợp lệ nhưng bà Trần Bé C vẫn vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà C.

Về nội dung vụ án: Việc bà Nguyễn Thị T có cho bà Trần Bé C vay số tiền 5.000.000 đồng là có thật. Bởi vì, mặc dù việc vay tiền này không có làm biên nhận, tuy nhiên việc vay tiền này có bà Thế Thị Phương D trực tiếp chứng kiến. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, Điều 466 và Điều

468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mưc thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xét xử theo hướng:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Buộc bà Trần Bé C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ vay là 5.000.000 đồng, bà T không yêu cầu tính lãi nên đề nghị không xem xét.

Buộc bà Trần Bé C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Hội An, xã Hòa Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Trần Bé C đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng bà C có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà C.

[4] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà Nguyễn Thị T cho rằng bà có cho bà Trần Bé C vay số tiền 5.000.000 đồng, bà Trần Bé C không thừa nhận việc vay số tiền 5.000.000 đồng như bà T trình bày, vấn đề này, Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù việc vay tiền giữa bà T và bà C không có làm biên nhận, tuy nhiên việc vay tiền này có bà Thế Thị Phương D trực tiếp chứng kiến bà T cho bà C vay số tiền 5.000.000 đồng, lời khai này phù hợp với lời trình bày của bà Nguyễn Thị T, qua lời khai của bà D thể hiện bà D không có quan hệ bà con gì với bà T, bà C và từ trước đến nay giữa bà D và bà T, bà C cũng không có xảy ra mâu thuẫn gì, do đó lời khai của bà D đảm bảo tính khách quan. Mặc khác, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành mời bà T, bà C, bà D đối chất với nhau tuy nhiên bà Trần Bé C vắng mặt, bà C cũng không đến Tòa án để tham gia các phiên hòa giải, công khai chứng cứ. Như vậy, việc bà T trình bày có cho bà C vay số tiền 5.000.000 đồng là có thật. Do đó, việc bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Trần Bé C phải trả số tiền nợ vay là 5.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử

chấp nhận. Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào các Điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bà Trần Bé C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Trần Bé C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bà Trần Bé C chịu nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- CC.THADS huyện Cầu Kè;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thành Tú